

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Phạm Quý Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ứng Lục M, sinh năm 1974**. Cư trú: Số 17, Đường 5, ấp T, xã B, huyện T1, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Hồ Nhộc D, sinh năm 1972**. Cư trú: Số 17, Đường 5, ấp T, xã B, huyện T1, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ứng Lục M và ông Hồ Nhộc D kết hôn tự nguyện và ngày 02/5/2002 được UBND xã Sông Thao, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau. Năm 2018 vợ chồng xin ly hôn và được Tòa án hòa giải về đoàn tụ nhưng đến nay không có kết quả. Nay Bà M xin được ly hôn với ông D nhưng không được ông D đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hồ Nhật Q, sinh ngày 16/01/1998; Hồ Nhịt P, sinh ngày 18/11/2000 và Hồ Nhộc C, sinh ngày 14/01/2004. Khi ly hôn, Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu C và được ông

D đồng ý nhưng ông D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu Bà M. Đối với cháu Q và P hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà M và ông D khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà M; giao cho Bà M nuôi cháu C và buộc ông D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Tài sản chung: Bà M và ông D không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà M và ông D khai không có. Buộc Bà M nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ứng Lục M và ông Hồ Nhộc D kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 02/5/2002 được UBND xã Sông Thao, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà M và ông D cùng thừa nhận: Vợ chồng chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau. Năm 2018 vợ chồng xin ly hôn đã được Tòa án hòa giải về đoàn tụ nhưng đến nay không có kết quả; Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Từ năm 2017 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng Bà M và ông D đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần. Nay Bà M xin ly hôn nhưng ông D không đồng ý vì thương con. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà M và ông D ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Bà M xin ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung của Bà M thì thấy: Nguyên vọng của cháu Hồ Nhộc C, sinh ngày 14/01/2004 mong muốn được sống với Bà M và ông D cũng đồng ý giao con cho Bà M nuôi; Ngoài ra, Bà M yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Đối với cháu Hồ Nhật Q, sinh ngày 16/01/1998 và Hồ Nhịt P, sinh ngày 18/11/2000 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Bà M và ông D khai không có.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí; ông D phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228; Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Ứng Lục M và ông Hồ Nhộc D ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Nhộc C, sinh ngày 14/01/2004 cho bà Ứng Lục M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Hồ Nhộc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng (một triệu đồng), kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi cháu Hồ Nhộc C tròn 18 tuổi. Ông D có nghĩa vụ giao số tiền trên cho Bà M nuôi con.

Kể từ ngày Bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D chậm trả tiền thì hàng tháng ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà M và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà M và ông D khai không có.

- Về án phí:

Bà M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 006664 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Ông D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Sông Thao (số 24 ngày 02/5/2002).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu